**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC**

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

**Tên học phần (tiếng Việt):** Triết học

**Tên học phần (tiếng Anh):** Philosophy

 **Mã học phần:** 100408

**Mã tự quản:** 11100011

**Thuộc khối kiến thức:** Kiến thức chung

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Đơn vị phụ trách:** Khoa Chính trị- Luật

**Số tín chỉ:** 3 (3,0)

**Phân bố thời gian:**

* Số tiết lý thuyết : 45 tiết
* Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 0 tiết
* Số giờ tự học : 90 giờ

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Email** | **Đơn vị công tác** |
|  | TS. Nguyễn Thị Tường Duy | duyntt@hufi.edu.vn | Khoa Chính Trị- Luật – HUFI |
|  | TS. Phan Thị Hiên | hienpt@hufi.edu.vn | Khoa Chính Trị- Luật – HUFI |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần **Triết học** trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về triết học và lịch sử triết học, về triết học Mác – Lênin, về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; các nội dung triết học về chính trị, xã hội, con ngưởi; mối quan hệ giữa triết học với các khoa học, vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết có hiệu quả những vấn đề đặt ra trong hoạt động nhận thức và thực tiễn; hình thành ý thức tự giác, tự chủ và sáng tạo trong suy nghĩ và trong hành động.

**4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| G1 | Diễn giải các kiến thức cơ bản của triết học về chính trị, xã hội, con ngưởi, các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội | PLO2.1 | 3 |
| G2 | Phân loại các trình độ thế giới quan:thần thoại, tôn giáo, triết học, trình độ phát triển của khoa học công nghệ | PLO2.2 | 3 |
| G3 | Vận dụng các quy luật, nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật, CNDVBC, CNDVLS trong giải quyết công việc, trong cuộc sống và phát triển những mối quan hệ xã hội của bản thân | PLO6 | 4 |
| G4 | Phác thảo kế hoạch làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phần triết học  | PLO12 | 4 |

**5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần (**\***) như sau:

| **Mục tiêu học phần** | **CĐR học phần** | **Mô tả** *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể)* | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| G1 | CLO1.1 | Phân loại các kiến thức về khái niệm và vấn đề cơ bản của triết học, sự hình thành, phát triển các tư tưởng triết học trong lịch sử | 3 |
| CLO1.2 | Diễn giải các nội dung triết học về phép biện chứng, vai trò của triết học đối với sự phát triển của khoa học | 3 |
| CLO1.3 | Diễn giải các nội dung triết học Mác-Lênin về về chính trị, xã hội, con ngưởi, vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội | 3 |
| G2 | CLO2.1 | Áp dụng các kiến thức về trình độ thế giới quan, phép biện chứng trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tế cuộc sống | 3 |
| CLO2.2 | Giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử trong thực tế cuộc sống | 3 |
| G3 | CLO3.1 | Liên hệ các kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin trong việc giải thích, phân tích các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy. | 4 |
| CLO3.2 | Liên hệ các kiến thức cơ bản của khoa học công nghệ trong việc giải thích, phân tích các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy. | 4 |
| G4 | CLO 4.1  | Lựa chọn tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến học phần Triết học và những tài liệu khác để bổ sung kiến thức cho bản thân | 4 |
| CLO 4.2 | Phác thảo kế hoạch làm việc, học tập độc lập, làm việc nhóm để học tập Triết học và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công việc | 4 |

(**\***)*Các CĐR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo Thông tư số 8/2013/TT-BGDDT ngày 8/3/2013 về ban hành chương trình môn Triết học khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ.*

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

***6.1. Phân bố thời gian tổng quát***

| **STT** | **Tên chương/bài** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **Phân bố thời gian** *(tiết/giờ)* |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **TN/TH** | **Tự học** |
| 1 | Chương 1.Khái luận về Triết học | CLO1.1;CLO3.1CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 | 15 | 0 | 30 |
| 2 | Chương 2. Triết học Mác- Lênin | CLO1.2; CLO1.3CLO2.1; CLO2.2;CLO3.1; CLO3.2CLO4.1; CLO4.2 | 15 | 0 | 20 |
| 3 | Chương 3. Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học | CLO1.2; CLO3.2;CLO4.1; CLO4.2 | 5 | 0 | 20 |
| 4 | Chương 4. Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội  | CLO1.3; CLO3.2CLO4.1; CLO4.2 | 10 | 0 | 20 |
| **Tổng** | **45** | **0** | **90** |

***6.2. Nội dung chi tiết***

**Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC**

**1.1. Triết học là gì?**

1.1.1. Triết học và đối tượng của nó

1.1.2. Các loại hình triết học cơ bản

**1.2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây**

1.2.1. Triết học phương Đông

1.2.2. Tư tưởng triết học Việt Nam

1.2.3. Triết học phương Tây

**Chương 2. TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN**

**2.1. Sự ra đời của triết học Mác** - **Lênin**

**2.2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật**

**2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

**2.4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**

**2.5. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay**

**Chương 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC**

**3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học**

3.1.1. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.

3.1.2. Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học.

**3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học**

3.2.1. Thế giới quan và phương pháp luận

3.2.2. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học

3.2.3. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường

**Chương 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI**

**4.1. Ý thức Khoa học**

4.1.1. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó

4.1.2. Các loại hình khoa học chủ yếu

**4**.**2. Khoa học công nghệ** - **động lực của sự phát triển xã hội**

4.2.1. Cách mạng khoa học - công nghệ

4.2.2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội

**4.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam**

4.3.1. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam

4.3.2. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* Thang điểm đánh giá: 10/10
* Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

| **Hình thức đánh giá** | **Thời điểm** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Tỉ lệ(%)** | **Rubric sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quá trình** | **40** |  |
| **Chuyên cần** | Suốt quá trình học | CLO 4.2  | 5 | I.1\_11 |
| **Thảo luận** | Suốt quá trình học | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 | 15 | I.2\_11 |
| **Kiểm tra/Thuyết trình đề tài:**  | Tuần 3 đến tuần 14 | CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 | 20 | I. 4\_11 |
| **Thi cuối kỳ** | **60** |  |
| Nội dung bao quát tất cả các chương của học phần. Thi tự luận (2 câu); được sử dụng tài liệu | Sau khi kết thúc học phần | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 |  | Theo thang điểm của đề thi |

**8. NGUỒN HỌC LIỆU**

***8.1. Sách, giáo trình chính***

 [1] Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học (dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ không chuyên ngành triết học, các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ,),* Nxb. Đại học Sư phạm, 2018.

***8.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Bộ GD& ĐT, *Giáo trình triết học**(dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không chuyên ngành triết học khối ngành khoa học xã hội và nhân văn),* Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.

[2] Doãn Chính, *Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại,* Nxb. Chính trị quốc gia, 2018.

[3] Doãn Chính, *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[4] Nguyễn Tiến Dũng, *Lịch sử triết học Phương Tây,* Nxb. Khoa học xã hội, 2018.

[5]. Nguyễn Thế Nghĩa, *Tuyển tập triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[6]. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN**

Học viên có nhiệm vụ:

* Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết
* Chủ động lên kế hoạch học tập:

+ Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu

+ Ôn tập các nội dung đã học, báo cáo cụ thể cho giảng viên theo yêu cầu

* Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, vấn đáp trên lớp
* Hoàn thành đầy đủ, trung thực và sáng tạo các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu
* Dự kiểm tra, thuyết trình trên lớp (nếu có) và thi cuối học phần

**10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

* Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, khối không chuyên ngành triết học, các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ.
* Giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra.
* Học viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi.
* Đề cương học phần tổng quát được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

**11. PHÊ DUYỆT**

 **🞏** Phê duyệt lần đầu **⌧** Phê duyệt bản cập nhật lần thứ: 3

 **Ngày phê duyệt:** / /20

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  ***Trưởng khoa*** | ***Trưởng bộ môn***Nguyễn Thị Tường Duy | ***Chủ nhiệm học phần***Nguyễn Thị Tường Duy |